

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
ĐỌC 2

Số tín chỉ: 02
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

Năm 2016

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh

1. Tên học phần: Đọc 2

2. Mã học phần: NNA115

3. Số tín chỉ: 2 (2,0)

4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ hai

5. Phân bổ thời gian

- Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 tiết thực hành

- Tự học: 60 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học xong học phần Đọc 1

7. Giảng viên

| STT | Học hàm, học vị, họ tên | Số điện thoại | Email |
|-----|---------------------------|---------------|--|
| 1 | ThS. Phạm Thị Huyền Trang | 0977612288 | Trang.phamhuyen88@gmail.com |
| 2 | ThS. Vũ Thị Lương | 0989670521 | Luongnn78@gmail.com |
| 3 | ThS. Trần Thị Mai Hương | 0389182331 | huongtrakhanhhung@gmail.com |

8. Mô tả nội dung của học phần

Học phần Đọc 2 cung cấp cho sinh viên các nội dung sau:

- Kiến thức: Tổng hợp được cấu trúc, từ vựng liên quan đến các chủ điểm thường gặp trong cuộc sống như: Đời sống và học tập của sinh viên trên thế giới, thời tiết và sự biến đổi khí hậu, thói quen ăn uống của một số nước trên thế giới, một số nét văn hóa khác nhau của một số nước trên thế giới.

- Kỹ năng: Các kỹ năng đọc được tập trung luyện tập như đọc lướt, đọc lấy thông tin chính, đọc trả lời câu hỏi, đọc tìm từ mới, cùng với những trọng điểm ngữ pháp cần thiết cũng giúp người học làm quen với môn đọc và có được những kiến thức, kỹ năng nhất định phục vụ giao tiếp.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

| Mục tiêu | Mô tả | Mức độ theo thang đo Bloom | Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT |
|-----------------|--|-----------------------------------|---|
| MT1 | Kiến thức | | |
| | Trình bày kiến thức về các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Từ vựng, cấu trúc, thuật ngữ để nói về các chủ đề thông dụng trong đời sống. - Phân biệt được các dạng bài tập đọc khác nhau. | 1 | [2.1.1b] |
| MT2 | Kỹ năng | | |
| | Đọc hiểu được đúng kỹ năng, kỹ thuật theo các dạng bài đọc thông dụng, về các chủ điểm thường gặp. | 3 | [2.2.2] |
| MT3 | Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
| | Khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. | 3 | [2.3.1] |

9.2. Chuẩn đầu ra

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CDR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|--|-----------------------|--|
| CDR1 | Kiến thức | | |
| CDR1.1 | Liệt kê được từ vựng theo các chủ điểm thông thường: Đời sống và học tập của sinh viên trên thế giới, thời tiết và sự biến đổi khí hậu, thói quen ăn uống của một số nước trên thế giới, một số nét văn hóa khác nhau của một số nước trên thế giới. | 1 | [1.3] |
| CDR1.2 | Trình bày được các dạng câu hỏi thường gặp. | | |
| CDR1.3 | Nêu được các kỹ thuật làm các bài tập đọc. | | |
| CDR2 | Kỹ năng | | |
| CDR2.1 | Đọc quét, phân tích thông tin về chủ điểm thông | 3 | [2.8] |

| CDR học phần | Mô tả | Thang đo Bloom | Phân bổ CDR học phần trong CTĐT |
|---------------------|---|-----------------------|--|
| | thường: Đời sống và học tập của sinh viên trên thế giới, thời tiết và sự biến đổi khí hậu, thói quen ăn uống của một số nước trên thế giới, một số nét văn hóa khác nhau của một số nước trên thế giới. | | |
| CDR2.2 | Đọc lướt, tìm ý chính trong đoạn văn, bài văn. | | |
| CDR2.3 | Tổng hợp ý, chọn lọc từ vựng, cấu trúc để trả lời các dạng câu hỏi tự luận. | | |
| CDR2.4 | Thuyết trình tóm tắt nội dung chính của bài đọc. | | |
| CDR2.5 | Phát triển ý, phản biện về các vấn đề liên quan trong nội dung bài đọc. | | |
| CDR3 | Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
| CDR3.1 | Có thái độ tích cực hợp tác với giảng viên và các sinh viên khác trong quá trình học và làm bài tập. | | |
| CDR3.2 | Có kỹ năng tự đọc và nghiên cứu các phần tự học trong tài liệu mà giảng viên yêu cầu. | 3 | [3.1] |
| CDR3.3 | Phân công nhiệm vụ trong nhóm một cách hiệu quả. | | |
| CDR3.4 | Có khả năng thuyết trình các vấn đề tự học ở nhà và báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. | | |

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần

| Bài | Nội dung học phần | Chuẩn đầu ra của học phần | | | | | | | | | | | |
|-----|--|---------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| | | CDR1 | | | CDR2 | | | | | CDR3 | | | |
| | | CDR 1.1 | CDR 1.2 | CDR 1.3 | CDR 2.1 | CDR 2.2 | CDR 2.3 | CDR 2.4 | CDR 2.5 | CDR 3.1 | CDR 3.2 | CDR 3.3 | CDR 3.4 |
| 1 | Unit 1. Academic life around the world | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 2 | Unit 2. Experiencing nature | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 3 | Unit 3. Living to eat or eating to live? | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 4 | Unit 4. In the community | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 5 | Unit 5. Home | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 6 | Unit 6. Cultures of the world | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 7 | Unit 7. Health | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 8 | Unit 8: Entertainment and the Media | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 9 | Unit 9: Social life | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |
| 10 | Unit 10: Sports | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x | x |

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

| Chuẩn đầu ra | Mức độ thành thạo được đánh giá bởi |
|--------------|--|
| CĐR1 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên |
| CĐR2 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần |
| CĐR3 | Bài tập cá nhân, bài tập nhóm, kiểm tra thường xuyên |

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4.

| STT | Điểm thành phần | Quy định | Trọng số | Ghi chú |
|-----|--|----------|----------|--------------------------------------|
| 1 | Điểm kiểm tra thường xuyên; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần bài tập; điểm chuyên cần | 01 điểm | 20% | Điểm trung bình của các lần đánh giá |
| 2 | Điểm kiểm tra giữa học phần | 01 điểm | 30% | |
| 3 | Điểm thi kết thúc học phần | 01 điểm | 50% | |

11.3. Phương pháp đánh giá

Học phần sử dụng phương pháp đánh giá điểm thành phần như sau:

- Kiểm tra thường xuyên; đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; đánh giá phần bài tập; chuyên cần.
- Kiểm tra giữa học phần: Tự luận (90 phút)
- Thi kết thúc học phần: Tự luận (90 phút)

12. Yêu cầu học phần

Sinh viên thực hiện những yêu cầu sau:

- Tham gia tối thiểu 80% số tiết học trên lớp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu phục vụ học phần, hoàn thành các bài tập cá nhân và bài tập nhóm.
- Chủ động ôn tập theo đề cương ôn tập được giảng viên cung cấp.
- Tham gia kiểm tra giữa học phần, thi kết thúc học phần.
- Dụng cụ học tập: Thiết bị nghe, từ điển, vở ghi, bút.

13. Tài liệu phục vụ học phần

Tài liệu bắt buộc:

[1]. Trường Đại học Sao Đỏ (2016), *Giáo trình Đọc 2*.

Tài liệu tham khảo:

[2]. Elain Kirn and Pamela Hartmann (2004), *Interactions I-Reading*, Silver Edition.

14. Nội dung chi tiết học phần và phương pháp dạy-học

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|--------------------|--|--|
| 1 | <p>Unit 1. Academic life around the world</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến cuộc sống sinh viên trên thế giới. - Hiểu và sử dụng được cấu trúc trong bài khóa. - Trình bày về cuộc sống sinh viên trên thế giới. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>1.1. International students</p> <p>1.1.1. Predicting</p> <p>1.1.2. Previewing Vocabulary</p> <p>1.1.3. Read the following article. Then do the activities that follow.</p> <p>1.2. University Life Around the World.</p> <p>1.2.1. Previewing vocabulary.</p> <p>1.2.2. Recognizing topics, main ideas, and supporting details.</p> <p>1.2.3. Recognizing the Topics and Main ideas of Paragraphs.</p> <p>1.2.4. Read the text and do the reading tasks.</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nêu các từ vựng liên quan đến chủ đề trường học. + Giải thích kỹ năng đọc, tìm ý chính của đoạn văn. + Hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thảo luận và trình bày các ý chính về cuộc sống của sinh viên trên thế giới. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 1 trang 1, 7. [2]: Mục 3 trang 5, mục 1,2 trang 2, mục 1 trang 10. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 1 activity 1, trang 5, activity 4 trang 7. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 2 | <p>Unit 2. Experiencing nature</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến sự ảnh hưởng của thời tiết. - Hiểu và sử dụng được cấu trúc trong tài liệu đọc. | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Đặt vấn đề; Tổ chức học theo cặp, nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thuyết trình các nội dung thuộc chủ điểm môi trường tự nhiên, thời tiết. + Nêu vấn đề thảo luận về sự | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|--------------------|---|--|
| | <p>- Phân tích thông tin, trình bày được về các trải nghiệm liên quan đến thời tiết.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>2.1. Powerful influence of Weather.</p> <p>2.1.1. Predicting.</p> <p>2.1.2. Previewing Vocabulary</p> <p>2.1.3. Read the following article. Then do the activities that follow.</p> <p>2.2. Global Climate Changes.</p> <p>2.2.1. Previewing Vocabulary .</p> <p>2.2.2. Recognizing Topics and Main Ideas Quickly.</p> <p>2.2.3. Read the article and do the reading tasks.</p> | | <p>ảnh hưởng của thời tiết.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên cách đọc quét, tìm nội dung chi tiết.</p> <p>+ Giao nhiệm vụ thảo luận cho cá nhân, các cặp, nhóm.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 2, mục 2.1.1, trang 18, mục 2.2.1, trang 24. [2]: Mục 1,2 trang 23, 28.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo nhóm trong [1]: Unit 2 activity 2 trang 21, activity 2 trang 27.</p> | <p>CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p> |
| 3 | <p>Unit 3. Living to eat or eating to live?</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <p>- Đọc hiểu được về chế độ ăn.</p> <p>- Hoàn thành được các nhiệm vụ bài đọc.</p> <p>- Trình bày các từ vựng liên quan đến thực phẩm.</p> <p>- Tóm tắt nội dung bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>3.1. Meanings of the Word Diet</p> <p>3.1.1. Predicting</p> <p>3.1.2. Previewing Vocabulary</p> <p>3.1.3. Read the article. Then do the activities that follow.</p> <p>3.2. Facts About Food</p> <p>3.2.1. Previewing Vocabulary</p> <p>3.2.2. Matching Paragraph Titles with Topics.</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Tổ chức thảo luận nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <p>+ Giới thiệu từ vựng liên quan đến chủ đề về chế độ ăn uống.</p> <p>+ Giảng giải hướng dẫn sinh viên cách phân chia thời gian, trả lời câu hỏi đúng trọng tâm.</p> <p>+ Tổ chức hoạt động thảo luận nhóm cho sinh viên.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 3 mục 3.1.1, trang 35-36, mục 3.2.1, trang 42.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 3 activity 10 trang 52.</p> | <p>CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4.</p> |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|--|----------------------|---|---|
| | 3.2.3. Read the article. Then do the activities that follow. | | | |
| 4 | <p>Unit 4. In the community</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề về văn hóa cộng đồng. - Sử dụng được cấu trúc câu trong bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>4.1. How Can I Get to the Post Office?</p> <p>4.1.1. Vocabulary</p> <p>4.1.2. Read the following article. Then read the explanations and do the activities that follow.</p> <p>4.2. The Laws of Communities</p> <p>4.2.1. Vocabulary</p> <p>4.2.2. Read the text and do the reading tasks</p> <p>Mid- term test</p> | 3 (2LT, 0TH, 1KT) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng thuộc chủ đề về văn hóa cộng đồng. + Thuyết trình kiến thức về các kỹ năng đọc tin tức, báo chí. + Nêu vấn đề, hướng dẫn sinh viên giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho cá nhân, nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 4 mục 4.1.1, trang 54, mục 4.2.1, trang 42. [2]: Mục 1 trang 60, mục 1 trang 70. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 4 activity 1-6 trang 56-59. + Làm bài kiểm tra giữa học phần. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 5 | <p>Unit 5. Home</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề gia đình. - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu trong bài khóa. - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề gia đình. - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu trong bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> | 3 (3LT, 0TH) | <p>Thuyết trình; Tổ chức học theo nhóm, cặp.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích từ vựng, cấu trúc thuộc chủ đề gia đình, các mối quan hệ họ hàng. + Minh họa các cấu trúc bài tập đọc hiểu bài luận dài. + Tổ chức thảo luận. + Giao bài tập cho cá nhân và các nhóm. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|-----------------|---|--|
| | 5.1. A Short History of the Changing Family 5.1.1. Predicting 5.1.2. Previewing Vocabulary 5.1.3. Read the following article. Then read the explanations and do the activities after the reading. 5.2. Time with the Family— Past and Present 5.2.1. Previewing Vocabulary 5.2.2. Skimming 5.2.3. Read the text and do the activities follow | | + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 5 mục 5.1.1, trang 69, mục 5.2.1, trang 75. [2]: Mục 1 trang 86, mục 1 trang 94. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép, thảo luận, tranh luận và phản biện. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 5 activity 1-6 trang 79-84. | CDR3.4. |
| 6 | Unit 6. Cultures of the world Mục tiêu bài: - Hiểu và sử dụng các từ vựng và cấu trúc câu trong bài đọc - Hiểu được nội dung bài đọc Nội dung cụ thể: 6.1. Cross-cultural Conversation 6.1.1. Previewing Vocabulary 6.1.2. Read the following article. Then read the explanations and do the activities that follow. 6.2. Clues to World Cultures 6.2.1. Previewing Vocabulary 6.2.2. Read the text and do the activities follow | 3 (3LT, 0TH) | Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm. - Giảng viên: + Giới thiệu từ vựng, cấu trúc miêu tả về các nền văn hóa trên thế giới. + Đặt vấn đề thảo luận nhóm. + Giao bài tập cho các cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 6 mục 6.1.1, trang 86, mục 6.2.1, trang 92. [2]: Mục 1-2 trang 108. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 6 activity 1 trang 96. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 7 | Unit 7. Health | 3 | Thuyết trình; Dạy học dựa | CDR1.1, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|-----------------|---|---|
| | <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề sức khỏe. - Tóm tắt được tác phẩm bằng ngôn ngữ của sinh viên. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>7.1. The Secrets of a Very Long Life</p> <p>7.1.1. Read the following article</p> <p>7.1.2. Understanding the Main Idea</p> <p>7.1.3. Recognizing Supporting Details After Punctuation, Numbers, and Connecting words</p> <p>7.2. Claims to Amazing Health</p> <p>7.2.1. Previewing Vocabulary</p> | (3LT, OTH) | <p>trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp từ vựng về chủ đề sức khỏe. + Giải thích kỹ thuật tóm tắt đoạn bằng ngôn ngữ cá nhân. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. <p>- Sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 7 mục 7.1.1, trang 107, mục 7.2.1, trang 111. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 7 activity 1- 8, trang 115-123. | CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 8 | <p>Unit 8. Entertainment and the Media</p> <p>Mục tiêu bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề phương tiện truyền thông. - Sử dụng được cấu trúc câu trong bài đọc. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>8.1. How the Visual Media Affect People</p> <p>8.1.1. Previewing Vocabulary</p> <p>8.1.2. Read the following article. Then read the explanations and do the</p> | 3 (3LT, OTH) | <p>Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo nhóm.</p> <p>- Giảng viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cung cấp từ vựng về chủ đề giải trí, truyền thông. + Giải thích cách dùng các cấu trúc câu dùng trong truyền thông, giải trí. + Nêu vấn đề qua các ví dụ, hướng dẫn sinh viên phân tích, giải quyết vấn đề. + Giao bài tập cho các cá nhân, các nhóm. + Nhận xét, đánh giá. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|-----------------|---|--|
| | activities that follow. 8.2. Media Stories 8.2.1. Previewing Vocabulary 8.2.2. Classifying Stories and Putting Events in Order 8.2.3. Read the article and do the activities follow | | - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 8 mục 8.1.1, trang 126, mục 8.2.1, trang 132. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 8 activity 1-7 trang 136-145. | |
| 9 | Unit 9. Social life Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng liên quan đến đời sống xã hội. - Hiểu và sử dụng các cấu trúc câu trong bài đọc. - Tóm tắt được bài đọc. Nội dung cụ thể: 9.1. Meeting the Perfect Mate, Part 1 9.1.1. Previewing Vocabulary 9.1.2. Read the following article. Then read the explanations and do the activities after the article. 9.2. Meeting the Perfect Mate, Part 2 9.2.1. Previewing Vocabulary 9.2.2. Reading for Literal Meaning and Inferences. Then do the following activities. | 3 (3LT, OTH) | Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo cặp, nhóm. - Giảng viên: + Nêu các từ vựng miêu tả chủ đề đời sống xã hội. + Giải thích kỹ thuật đoán ý dựa trên hoàn cảnh. + Hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thảo luận và trình bày về chủ đề đời sống xã hội. + Nhận xét, đánh giá. - Sinh viên: + Đọc trước tài liệu: [1]: Unit 9 mục 9.1.1, trang 147, mục 9.2.1, trang 150. [2]: Mục 1 trang 186. + Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề. + Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 9 activity 1-10 trang 150-195. | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, CDR2.3, CDR2.4, CDR2.5, CDR3.1, CDR3.2, CDR3.3, CDR3.4. |
| 10 | Unit 10. Sports Mục tiêu bài: - Trình bày các từ vựng liên quan đến chủ đề thể thao - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu | 3 (3LT, OTH) | Thuyết trình; Dạy học dựa trên vấn đề; Tổ chức học theo cặp, nhóm. - Giảng viên: + Nêu các từ vựng về chủ đề | CDR1.1, CDR1.2, CDR1.3, CDR2.1, CDR2.2, |

| TT | Nội dung giảng dạy | Số tiết | Phương pháp dạy-học | CDR học phần |
|----|---|---------|---|--|
| | <p>trong bài đọc</p> <p>- Tóm tắt được bài đọc.</p> <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>10.1. The Ancient vs. The Modern Olympics</p> <p>10.1.1. Previewing Vocabulary</p> <p>10.1.2. Read the following material. Then read the explanations and do the exercises after the reading</p> <p>10.2. Issues in Competitive Sports in the World Today</p> <p>10.2.1. Previewing Vocabulary</p> <p>10.2.2. Read the text and do the following activities</p> | | <p>thể thao.</p> <p>+ Giải thích cách ghi chú dựa trên mốc thời gian.</p> <p>+ Hướng dẫn sinh viên làm việc theo cặp, nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thảo luận và trình bày bài nói về chủ đề thể thao.</p> <p>+ Nhận xét, đánh giá.</p> <p>- Sinh viên:</p> <p>+ Đọc trước tài liệu:</p> <p>[1]: Unit 10 mục 10.1.1, trang 167, mục 10.2.1, trang 173.</p> <p>[2]: Mục 1 trang 210, mục 1 trang 218.</p> <p>+ Lắng nghe, quan sát, ghi chép và giải quyết các vấn đề.</p> <p>+ Làm bài tập cá nhân, theo cặp, nhóm trong [1]: Unit 10 activity 1-9 trang 176-183.</p> | <p>CDR2.3,</p> <p>CDR2.4,</p> <p>CDR2.5,</p> <p>CDR3.1,</p> <p>CDR3.2,</p> <p>CDR3.3,</p> <p>CDR3.4.</p> |

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phí Đăng Tuệ

TRƯỞNG KHOA

Hoàng Đức Đoàn

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên